THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 113/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch), với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Vùng Thủ đô Hà Nội; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực.

2. Phát huy nội lực, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ làm nền tảng phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

3. Gắn phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống giữa các tầng lớp dân cư, giữa đô thị và nông thôn; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội.

4. Gắn phát triển kinh tế với khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái; có giải pháp chủ động ứng phó với biến

đổi khí hậu. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2015 xây dựng tỉnh Vĩnh Phúc trở thành tỉnh có đủ các tiêu chí cơ bản của một tỉnh công nghiệp. Đến năm 2020 Vĩnh Phúc trở thành một tỉnh công nghiệp, là một trong những trung tâm công nghiệp, dịch vụ, du lịch của khu vực và cả nước; nâng cao rõ rệt mức sống nhân dân; môi trường được bảo vệ bền vững; bảo đảm vững chắc về quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm giai đoạn 2011 - 2020 đạt 14 - 15%/năm, trong đó: giai đoạn 2011 - 2015 đạt 14 - 15%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 14 - 14,5%/năm. GDP bình quân đầu người (giá thực tế) đến năm 2015 đạt 3.500 - 4.000 USD, đến năm 2020 đạt khoảng 6.500 - 7.000USD.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ; đảm bảo phát triển bền vững và phù hợp với tiềm năng của Tỉnh. Ưu tiên phát triển các ngành có chất lượng hàng hóa cao, công nghệ hiện đại và năng suất lao động cao. Dự kiến đến năm 2015, tỷ lệ cơ cấu các ngành công nghiệp và xây dựng - dịch vụ - nông, lâm, ngư nghiệp là 61% - 32% - 7%; đến năm 2020 là 58,5% - 38% - 3,5%.

- Phát triển mạnh kinh tế đối ngoại, đẩy mạnh xuất khẩu, phấn đấu tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân giai đoạn 2011 - 2020 khoảng 30%/năm, đến năm 2020 kim ngạch xuất khẩu đạt 13,5 tỷ USD.

- Thực hiện vốn đầu tư xã hội và phát triển giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 140.000 - 145.000 tỷ đồng; giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 280.000 - 300.000 tỷ đồng.

b) Về phát triển xã hội

- Phát triển một xã hội lành mạnh, ổn định trong đó con người là đối tượng quan tâm hàng đầu, và cũng là chủ thể đảm bảo cho sự phát triển. Tạo sự chuyển biến cơ bản và toàn diện ngành giáo dục và đào tạo; chú trọng đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 66% vào năm 2015 và khoảng 75% vào năm 2020.

- 100% phường, xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới 5%; giảm tỷ lệ sinh hàng năm khoảng 0,15‰; tốc độ tăng dân số tự nhiên dưới 1%/năm.

- Đến năm 2020 về cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn quốc gia hiện nay.

c) Về bảo vệ môi trường

- Chất lượng môi trường nước: Giải quyết dứt điểm các điểm nóng ô nhiễm nguồn nước; xử lý nước thải tại các khu công nghiệp đạt tiêu chuẩn môi trường; hoàn thiện hệ thống cấp nước sạch cho các khu vực đô thị.

- Chất lượng môi trường không khí: Giải quyết dứt điểm tình trạng ô nhiễm môi trường không khí tại các nhà máy, xí nghiệp, đặc biệt đối với nhà máy sản xuất thép, xi măng, chế biến thủy sản.

- Chất lượng môi trường đất: Xử lý các điểm ô nhiễm môi trường đất; thu gom và xử lý triệt để rác thải sinh hoạt và rác thải nguy hại; thực hiện phân loại rác thải tại nguồn; tập trung xử lý có hiệu quả rác thải ở khu vực nông thôn.

- Tăng tỷ lệ che phủ của rừng lên 26,7%.

- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch đạt 82,5% năm 2015 và trên 95% năm 2020;

- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100% năm 2015.

- Xây dựng nếp sống, phương thức sản xuất, thói quen tiêu dùng xanh, sạch, thân thiện với môi trường.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phát triển công nghiệp và xây dựng

- Tăng trưởng với tốc độ bình quân 15 - 16%/năm. Tỷ trọng đóng góp của ngành công nghiệp và xây dựng trong tổng GDP toàn nền kinh tế của Tỉnh từ 50 - 52% năm 2010 tăng lên khoảng 52 - 55% vào năm 2020.

- Phát triển một số sản phẩm công nghiệp mũi nhọn của tỉnh:

Công nghiệp công nghệ cao: Phát triển sản xuất các sản phẩm cơ điện tử, các sản phẩm điện tử văn phòng, thiết bị tin học, sản xuất phần mềm, từ đó từng bước đưa Vĩnh Phúc trở thành một trong những trung tâm phát triển công nghệ cao của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Công nghiệp cơ khí chế tạo: Đẩy mạnh phát triển sản xuất, lắp ráp ô tô, xe máy, thiết bị phụ tùng, thiết bị phục vụ nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm, máy công cụ, thiết bị và khí cụ điện, thiết bị cơ khí chính xác, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, cấu kiện kim loại và thiết bị phi tiêu chuẩn, thiết bị đặc thù cho làng nghề thủ công, đồ gia dụng… Đưa Vĩnh Phúc trở thành trung tâm công nghiệp chế tạo cơ khí của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Công nghiệp chế biến nông - lâm sản: Xây dựng Khu công nghiệp chuyên ngành, phát triển chế biến đồ uống, chế biến nông lâm sản, thực phẩm, hàng tiêu dùng đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; Chế biến thức ăn chăn nuôi từ nguồn nguyên liệu tại chỗ; Phát triển sản phẩm mộc dân dụng từ vật liệu mới (ván nhân tạo), các mặt hàng song, mây, tre đan, gỗ mỹ nghệ hướng vào xuất khẩu.

Công nghiệp khai khoáng và phát triển sản xuất vật liệu xây dựng: Tập trung đầu tư và phát triển sản xuất sản phẩm có thế mạnh của địa phương. Sản xuất các

loại vật liệu xây dựng có nguồn nguyên liệu tại chỗ dồi dào, các loại vật liệu lợp, vật liệu chịu lửa, bê tông và cấu kiện bê tông đúc sẵn. Phát triển sản xuất các loại vật liệu mới.

- Phát triển các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn:

Hình thành hệ thống các khu, cụm công nghiệp hợp lý trên địa bàn, đảm bảo sự phát triển bền vững và thật sự trở thành động lực cho sự phát triển chung; tạo hạt nhân để phát triển đồng bộ các tiểu vùng và các địa phương trong Tỉnh; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với cơ cấu dân cư, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Đến năm 2020 hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật đồng bộ ở các khu công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập trên địa bàn Tỉnh.

Tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp. Thu hút đầu tư phát triển sản xuất vào các khu công nghiệp theo hướng lựa chọn các ngành công nghiệp có trình độ công nghệ cao, thân thiện môi trường; hình thành các khu, cụm công nghiệp điện tử, cơ khí chế tạo… có quy mô lớn, vai trò quan trọng với toàn vùng và cả nước.

2. Thương mại và Dịch vụ

- Tốc độ tăng trưởng bình quân ngành thương mại - dịch vụ đạt 14 - 16%/năm. Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong cơ cấu kinh tế tỉnh đạt 37 - 39% vào năm 2020. Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu hàng năm giai đoạn 2011 - 2020 đạt 30%/năm.

- Dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng: Xây dựng các trung tâm du lịch tầm cỡ quốc gia và quốc tế, các điểm, tour du lịch… đi đôi với việc bảo tồn văn hóa, di tích lịch sử và nâng cao chất lượng dịch vụ. Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho du lịch.

- Thương mại: Ưu tiên đầu tư đẩy mạnh phát triển các lĩnh vực thương mại, dịch vụ trên địa bàn để phù hợp với xu hướng phát triển nhanh của công nghiệp và nền kinh tế của Tỉnh. Phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ cho sản xuất và đời sống, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế: dịch vụ vận tải, lưu thông hàng hoá, bưu điện, các dịch vụ khác phục vụ cá nhân và công cộng. Phát triển thị trường, tăng cường tiếp thị, đẩy mạnh xuất khẩu nhằm đáp ứng các nhu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Tài chính và ngân hàng: Phấn đấu đến năm 2015 và 2020, hình thành được mạng lưới tài chính, ngân hàng hiện đại, kết nối thuận tiện với các tỉnh trong vùng và cả nước nhằm phục vụ tốt nhất cho tăng trưởng kinh tế, ổn định lưu thông tiền tệ, khai thác tốt nguồn vốn trung và dài hạn đáp ứng nhu cầu vốn cho các hoạt động kinh tế của địa phương.

3. Nông - lâm - thủy sản

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn trên cơ sở ưu tiên đầu tư cho các loại cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao; tiếp tục tăng tỷ trọng chăn nuôi và thủy sản trong cơ cấu ngành nông - lâm - thủy sản.

Phấn đấu đạt tốc độ tăng giá trị gia tăng bình quân cả thời kỳ 2011 - 2020 đạt 3,0%/năm.

Xây dựng và phát triển nền nông nghiệp sạch, an toàn, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường.

Tăng cường đầu tư thâm canh, đẩy nhanh nuôi trồng thủy sản theo hướng cải tạo vùng trũng trồng lúa kém hiệu quả; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong nuôi trồng thủy sản, chuyển từ quản canh sang bán thâm canh và thâm canh.

Đảm bảo trồng hết diện tích đất trống quy hoạch cho trồng rừng. Tích cực khoanh nuôi, bảo vệ và chăm sóc diện tích rừng hiện có; hạn chế tối đa tình trạng cháy rừng.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Giao thông vận tải

- Cơ bản hình thành khung hạ tầng giao thông trong giai đoạn đến năm 2020, bao gồm hệ thống giao thông đối ngoại và giao thông kết nối giữa các địa bàn trong tỉnh với hệ thống giao thông đối ngoại, trên cơ sở đảm bảo quản lý tốt hành lang giao thông đối ngoại trong định hướng bố trí không gian kinh tế - xã hội thống nhất trên địa bàn tỉnh.

- Từng bước hiện đại hóa mạng giao thông nội tỉnh đảm bảo nâng cao năng lực thông qua, tăng tốc độ lưu thông, đảm bảo an toàn giao thông trên toàn hệ thống.

- Quản lý và tổ chức tốt, nâng cấp giao thông đô thị tại các thành phố, thị xã.

- Mở rộng, nâng cấp mạng giao thông nông thôn vào cuối giai đoạn đến năm 2020 và những năm tiếp theo, hướng tới mạng giao thông nông thôn thuận tiện, an toàn… thúc đẩy quá trình đô thị hóa khu vực nông thôn.

- Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các Bộ, ngành liên quan tiếp tục triển khai xây dựng mới đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai, đoạn qua Vĩnh Phúc; hoàn thiện tuyến tránh quốc lộ 2A (đoạn qua Vĩnh Yên); triển khai xây dựng cầu Vĩnh Thịnh trên tuyến quốc lộ 2C qua Sông Hồng kết nối với Hà Nội; nâng cấp và cải tạo một số tuyến đường như quốc lộ 2, quốc lộ 2C, quốc lộ 2B ; nghiên cứu dự án xây dựng đường sắt khổ rộng Hà Nội - Lào Cai; cải tạo, nâng cấp tuyến đường sắt hiện hữu.

- Tiếp tục xây dựng các tuyến đường tỉnh, đường nội thị, các tuyến đường giao thông nông thôn để đảm bảo tốt nhu cầu đi lại và kết nối giữa các điểm dân cư.

- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống bến xe, bãi đỗ, các trạm đỗ xe, các điểm đỗ xe; xây dựng các tuyến xe buýt để dần dần đưa hoạt động vận tải vào nền nếp, giảm thiểu tai nạn giao thông và tạo điều kiện cho nhân dân đi lại.

- Xây dựng một số cảng lớn có công suất 500.000 tấn/năm và các cảng đường thủy nội địa do tỉnh quản lý; nâng cấp tuyến đường sông Hà Nội - Việt Trì lên cấp II, nâng cấp các tuyến đường vào cảng kết hợp với nâng cấp các tuyến đê (đảm bảo an toàn đê và khai thác hiệu quả vận tải trên đê).

b) Hệ thống cấp điện

Đảm bảo cấp điện an toàn, liên tục cho các phụ tải công nghiệp (đặc biệt là các khu công nghiệp) mở rộng và nâng cao chất lượng điện cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt của nhân dân, phấn đấu có nguồn điện (công suất) dự phòng khoảng 10 - 20%.

c) Hệ thống cấp thoát nước

- Cấp nước: Tiếp tục xây dựng, mở rộng các nhà máy cấp nước hiện hữu; đồng thời xây dựng mới một số công trình cấp nước để đến 2020 đảm bảo công suất cấp nước đạt 1 triệu m^3/ngày - đêm. Chú trọng quản lý, bảo vệ nguồn nước nhằm đảm bảo phát triển bền vững, ổn định và lâu dài.

- Thoát nước: Chú trọng đầu tư để đảm bảo nước thải sinh hoạt và công nghiệp được xử lý 100% trước khi thải ra sông, suối. Tại các khu đô thị và khu công nghiệp xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng, nước thải riêng. Sớm đầu tư và hoàn thành dự án thoát nước Vĩnh Yên và Phúc Yên theo từng giai đoạn.

Quy hoạch bảo vệ các nguồn nước, xây dựng phương án tổng thể thoát nước và bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

d) Hệ thống thông tin và truyền thông

- Hoàn thành phổ cập dịch vụ bưu chính; xây dựng các điểm phục vụ đến vùng sâu, vùng xa; mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ theo hướng ứng dụng rộng rãi mọi lĩnh vực.

- Phát triển dịch vụ viễn thông theo hướng cung cấp ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực: Chính phủ điện tử, thương mại, tài chính, đào tạo, y tế, nông nghiệp…

- Đến năm 2020 dịch vụ viễn thông cố định được phổ cập đến tất cả các hộ gia đình; dịch vụ viễn thông di động đạt mật độ thuê bao 80%. Trên 80% dân số sử dụng Internet, tỷ lệ thuê bao Internet băng rộng đạt 100%; Truyền hình cáp, truyền hình theo yêu cầu (IPTV): Cung cấp trong phạm vi toàn tỉnh đến cấp cơ sở.

5. Phát triển các vấn đề xã hội

a) Phát triển dân số: đẩy mạnh công tác kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản để nâng cao chất lượng dân số. Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới 5%; giảm tỷ lệ sinh hàng năm khoảng 0,15‰; tốc độ tăng dân số tự nhiên dưới 1%.

b) Phát triển giáo dục và đào tạo

- Giáo dục mầm non: Đảm bảo đủ trường, lớp cho bậc học mầm non để thu hút các em trong độ tuổi đến lớp; đến năm 2020 tỷ lệ huy động trẻ em từ 3 - 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt trên 95%.

- Giáo dục tiểu học: Huy động hết số trẻ 6 tuổi và hầu hết trẻ em khuyết tật được đi học và hòa nhập vào cộng đồng. Về cơ bản có 100% trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào năm 2015. Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn từ năm 2015 về sau là 100%.

- Giáo dục trung học cơ sở: 100% học sinh tốt nghiệp tiểu học vào lớp 6; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 65% vào năm 2015 và 100% vào năm 2020.

- Giáo dục trung học phổ thông: từ năm 2015 trở đi có 100% trường đạt chuẩn Quốc gia.

- Đào tạo: Các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh được củng cố, đầu tư nâng cấp, mở rộng và từng bước được hiện đại hóa, hoạt động gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 66% vào năm 2015 và khoảng 75% vào năm 2020; năm 2015 đạt khoảng 350 sinh viên/một vạn dân và năm 2020 đạt 400 - 450 sinh viên/một vạn dân.

c) Phát triển y tế

Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở để thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, đáp ứng nhu cầu về các dịch vụ y tế cơ bản, có chất lượng của mọi người dân, nhất là đối với người nghèo, người dân ở các vùng sâu, vùng xa. Thực hiện công bằng và hiệu quả trong chăm sóc sức khoẻ nhân dân ở tuyến cơ sở. Nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ chất lượng cao cho mọi người dân tại cộng đồng.

- Duy trì 100% phường, xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; đảm bảo trên địa bàn Tỉnh không có dịch bệnh lớn xảy ra. Củng cố, nâng cấp các bệnh viện tuyến tỉnh đủ khả năng đảm đương nhiệm vụ đơn vị chuyên môn, kỹ thuật y tế đầu ngành của tỉnh. Đảm bảo tỷ lệ 8 bác sỹ trên 1 vạn dân vào năm 2015 và 10 bác sỹ trên 1 vạn dân vào năm 2020. Tăng tỷ lệ bác sĩ được đào tạo có trình độ trên đại học cho tất cả các tuyến, đặc biệt là ở tuyến tỉnh và tuyến huyện.

d) Văn hóa, thể thao

Gắn kết chặt chẽ và đồng bộ giữa phát triển văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung các hoạt động sưu tầm, nghiên cứu nhằm làm rõ, khẳng định về địa - văn hóa, địa - kinh tế, địa - chính trị của vùng đất và con người Vĩnh Phúc. Bảo tồn, khai thác, phát huy có hiệu quả văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn. Giữ gìn, phát huy các giá trị lịch sử, văn hoá truyền thống của tỉnh.

Duy trì phong trào thể dục thể thao quần chúng sâu rộng, vững chắc. Phát triển nhiều loại hình thể thao, trong đó chú trọng những môn thể thao mà tỉnh có thế mạnh. Tập trung xây dựng các môn thể thao thành tích cao trọng điểm, đóng góp nhiều vận động viên cho các đội tuyển quốc gia.

Thực hiện tốt công tác xã hội hóa trong lĩnh vực phát triển văn hóa, thể thao.

6. Phát triển khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

- Khoa học và công nghệ: Lấy việc nghiên cứu ứng dụng, nhập khẩu công nghệ là hướng đi chủ đạo; từng bước xây dựng các cơ sở nghiên cứu - triển khai, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ; bước đầu xác lập một số hướng nghiên cứu - triển khai công nghệ cao và nền sản xuất công nghệ cao; đẩy nhanh, tạo điều kiện để tốc độ đổi mới công nghệ đạt 15 - 20%/năm trong các ngành; phối

hợp với các trung tâm khoa học công nghệ lớn (trong nước và quốc tế) để tạo ra tiềm lực đủ mạnh, giải quyết cơ bản những vấn đề về khoa học và công nghệ thực tiễn đặt ra.

- Bảo vệ môi trường phát triển bền vững: tăng cường công tác quản lý môi trường, xử lý ô nhiễm, phòng chống sự cố môi trường tại khu vực đô thị, các khu, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất và khu dân cư. Làm tốt công việc thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải y tế với công nghệ tiên tiến, phù hợp. Duy trì tỉ lệ hệ thống xử lý nước thải tập trung ở nội thị Thành phố, thị xã và thị trấn đạt 100%. Đến năm 2020, tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 26,7%; tỷ lệ hộ dân nông thôn được dùng nước sạch hợp vệ sinh đạt 100%.

7. An ninh - quốc phòng, trật tự xã hội

Tiếp tục xây dựng nền quốc phòng và thế trận quốc phòng toàn dân; đẩy mạnh công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, giảm thiểu tai nạn giao thông; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện phát triển kinh tế.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KINH TẾ THEO LÃNH THỔ

1. Định hướng phát triển hệ thống đô thị

- Mở rộng không gian đô thị trung tâm: gồm các hạt nhân chính là thành phố Vĩnh Yên, thị xã Phúc Yên, đô thị mới Bồ Sao, Tân Tiến, Chấn Hưng, thị trấn Hương Canh.

- Định hướng phát triển các khu vực đô thị vệ tinh trong tổng thể thành phố Vĩnh Phúc trong tương lai:

+ Các đô thị vùng trung du và miền núi phía Bắc: gồm thị trấn Tam Đảo, thị trấn Hợp Châu (huyện Tam Đảo), thị trấn Hợp Hòa (huyện Tam Dương), thị trấn Xuân Hòa (huyện Lập Thạch), thị trấn cảng sông Như Thụy (Lập Thạch). Ngoài 6 đô thị hạt nhân, cụm đô thị này sẽ gồm 28 thị tứ là trung tâm phát triển của các huyện Lập Thạch, Tam Dương, Bình Xuyên.

+ Các đô thị phía Nam: thị trấn huyện lỵ Vĩnh Tường, thị trấn Yên Lạc, thị trấn cảng sông Vĩnh Thịnh thuộc huyện Vĩnh Tường. Chuỗi đô thị này sẽ bao gồm các thị tứ tại huyện Vĩnh Tường, Yên Lạc.

2. Định hướng phát triển khu vực nông thôn

Duy trì quy mô dân số nông thôn ở mức 490 - 500 nghìn người (chiếm tỷ lệ khoảng 40%) vào năm 2020. Tăng năng suất lao động nông nghiệp và lao động khu vực nông thôn nhằm tăng thu nhập dân cư khu vực nông thôn. Tiếp tục đầu tư nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng khu vực nông thôn. Tìm kiếm và phát triển mô hình tổ chức xã hội nông thôn theo hướng tăng cường vai trò của cộng đồng. Phát huy các giá trị kiến trúc truyền thống, tiếp thu có chọn lọc các giá trị mới thông qua các hoạt động tư vấn chủ động từ phía nhà nước nhằm tạo ra bộ mặt kiến trúc mới phù hợp đảm bảo tính hiện đại, truyền thống, khai thác tốt các giá trị văn hóa kết hợp phát triển du lịch, mở rộng ngành nghề ở khu vực nông thôn.

3. Định hướng phát triển kinh tế trên các tiểu vùng

- Tiểu vùng I: Tiểu vùng trung du - miền núi phía Bắc, bao gồm các huyện: Lập Thạch, Sông Lô, Tam Dương, Tam Đảo và một phần phía Bắc huyện Bình Xuyên. Đây là vùng trung du, xen lẫn miền núi; vùng có quỹ đất đai lớn phục vụ cho phát triển công nghiệp, du lịch vui chơi giải trí và phát triển nông nghiệp đa canh; vùng là cầu nối với các tỉnh Tuyên Quang, Phú Thọ và Thái Nguyên.

- Tiểu vùng II: Tiểu vùng trung tâm, chạy dọc theo quốc lộ 2A, đường quốc lộ 23 và đường sắt Hà Nội - Việt Trì, trong đó có thành phố Vĩnh Yên, trung tâm huyện Bình Xuyên, Phúc Yên. Hướng phát triển trong thời gian tới là phát triển công nghiệp - dịch vụ, văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, trung tâm đào tạo,… phát triển mạnh nông nghiệp hàng hóa có chất lượng cao phục vụ cho địa bàn Hà Nội; tập trung phát triển công nghiệp để hình thành các đơn vị hành chính đô thị: thành phố, thị xã trong tương lai.

- Tiểu vùng III: Tiểu vùng đồng bằng: chủ yếu bao gồm các huyện Vĩnh Tường, Yên Lạc và nam Bình Xuyên. Hướng phát triển là: phát triển cây lương thực tập trung, chiếm tỷ trọng cơ bản bảo đảm an ninh lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm; phát triển các làng nghề - tiểu thủ công nghiệp, khu công nghiệp phù hợp.

V. CÁC LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

VI. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Huy động và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư

Huy động tổng hợp các nguồn vốn đầu tư phát triển; kiến nghị với Trung ương về xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn thu để tăng thêm nguồn vốn cho đầu tư phát triển của Tỉnh; hoàn thiện khuôn khổ thể chế, pháp lý, nhanh chóng tạo môi trường đầu tư ổn định, thông thoáng để thu hút các nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp và dân cư; tạo môi trường bình đẳng đối với đầu tư trong nước và ngoài nước cũng như giữa các khu vực tư nhân và doanh nghiệp nhà nước, xóa bỏ sự khác biệt về chính sách đất đai, tín dụng, xuất - nhập khẩu. Tăng cường các biện pháp thu hút vốn đầu tư nước ngoài như FDI, ODA, NGO.

2. Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp

Tăng cường xúc tiến đầu tư, kêu gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển trên địa bàn, đặc biệt là sản xuất công nghiệp trong các khu công nghiệp, các dự án phát triển du lịch, cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản. Tạo điều kiện để phát triển khu vực doanh nghiệp trong tỉnh cả về số lượng và sức cạnh tranh; Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đăng ký kinh doanh, thành lập doanh nghiệp, tiếp cận với nguồn vốn, và các dịch vụ tài chính, dịch vụ công khác.

3. Đào tạo nguồn nhân lực

- Xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm khai thác tốt nguồn lực từ đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật hiện có; thu hút cán bộ có trình độ cao, các chuyên gia giỏi, công nhân lành nghề về làm việc tại Tỉnh. Tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực, loại hình giáo dục - đào tạo để nâng cao dân trí, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề của lực lượng lao động; tăng nhanh tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề. Có kế hoạch và chính sách ưu tiên đào tạo trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước các cấp.

- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu từng thời kỳ phát triển của Tỉnh, phù hợp xu thế phát triển chung của Vùng và cả nước. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục đào tạo và dạy nghề; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật để nâng cao năng lực quản lý, điều hành của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đáp ứng yêu cầu của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

4. Phát triển khoa học và công nghệ

Tập trung các điều kiện thuận lợi cho phát triển khoa học công nghệ; đẩy mạnh triển khai các thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống; tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, hỗ trợ phát triển nông thôn; đẩy mạnh phát triển công nghệ cao, công nghệ tin học trong mọi lĩnh vực. Đẩy mạnh xã hội hóa trong xây dựng hệ thống các tổ chức khoa học công nghệ và tạo ra thị trường công nghệ để các doanh nghiệp có điều kiện thuận lợi đưa tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ sản xuất kinh doanh. Xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ dài hạn, cùng với kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động khoa học công nghệ; coi trọng cả lĩnh vực nghiên cứu và triển khai áp dụng.

5. Giải pháp về môi trường

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đến từng tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và công dân, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn xã hội. Tăng cường công tác quản lý bằng việc bố trí đủ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu về lĩnh vực này; bằng công tác thanh, kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề môi trường. Xây dựng quy chế quản lý chất thải, quản lý ô nhiễm, tính đúng các chi phí về bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư mới theo quy định của Luật bảo vệ môi trường; nghiên cứu áp dụng các công nghệ xử lý chất thải theo tiêu chuẩn quốc tế; tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các khu, cụm công nghiệp, làng nghề. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa bảo vệ môi trường.

- Khai thác hợp lý và sử dụng, quản lý có hiệu quả tài nguyên đất, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ và phát triển rừng.

6. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Chủ động thực hiện và vận dụng cơ chế, chính sách để tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư, thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển trong và ngoài tỉnh.

- Tăng cường liên kết với các địa phương trong vùng đồng bằng sông Hồng và Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; thực hiện liên kết chặt chẽ trong Vùng Thủ đô. Đồng thời tăng cường hợp tác với các địa phương lận cận trong vùng trung du và miền núi Bắc Bộ nhằm khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của từng địa phương vào phát triển kinh tế - xã hội.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính, làm rõ và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan và người đứng đầu cơ quan; phổ biến và vận động nhân dân tham gia thực hiện, giám sát thực hiện quy hoạch; cập nhật, cụ thể hóa, tăng cường phối hợp thực hiện các nội dung của quy hoạch; ngoài ra còn cần giám sát, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch để có các biện pháp điều chỉnh, bổ sung kịp thời. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tham nhũng.

VII. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Tổ chức công bố, phổ biến quy hoạch

- Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh đến năm 2020 đến cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong Tỉnh.

- Tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của địa phương; các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, chú trọng vào các dự án trọng điểm có sản phẩm chủ lực của Tỉnh.

2. Xây dựng chương trình hành động

- Trên cơ sở mục tiêu của Quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tỉnh tiến hành xây dựng chương trình hành động để thực hiện Quy hoạch.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Quy hoạch bằng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm để thực hiện quy hoạch có hiệu quả. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện Quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị theo thẩm quyền việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong từng thời kỳ.

3. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2020 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác có liên quan), các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong Quy hoạch được phê duyệt, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện, thị xã, thành phố thuộc Tỉnh; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực để bảo đảm phát triển tổng thể, đồng bộ giữa kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh.

2. Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm, các dự án cụ thể để triển khai thực hiện quy hoạch.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Tỉnh và pháp luật của Nhà nước trong từng thời kỳ nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

4. Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch này kịp thời, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh và cả nước trong từng giai đoạn Quy hoạch.

Điều 4. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc trong quá trình thực hiện Quy hoạch; nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong từng giai đoạn nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích, thu hút đầu tư theo mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh nêu trong Quy hoạch.

2. Nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan đã được dự kiến nêu trong Quy hoạch tổng thể đã được phê duyệt; hỗ trợ Tỉnh trong việc bố trí và huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục
CÁC LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ ĐẾN NĂM 2020 CỦA TỈNH VĨNH PHÚC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 113/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên chương trình/dự án
A	**DO CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG TRỰC TIẾP THỰC HIỆN**
1	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C
2	Xây dựng cầu Vĩnh Thịnh
3	Đầu tư xây dựng đường xuyên Á đoạn qua Vĩnh Phúc
4	Nâng cấp Quốc lộ 23 (Chèm - Phúc Yên), đoạn qua Vĩnh Phúc từ Thanh Tước đến Quốc lộ 2A
5	Nâng cấp Quốc lộ 2
6	Nâng cấp Quốc lộ 2B nối từ Quốc lộ 2 đi khu nghỉ mát Tam Đảo
B	**DO TỈNH LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**
1	Lĩnh vực xây dựng hạ tầng giao thông đô thị của Tỉnh
2	Xây dựng các tuyến đường vành đai, các tuyến tránh quốc lộ qua các đô thị của Tỉnh; cải tạo, nâng cấp các tỉnh lộ
3	Xây dựng, nâng cấp đường giao thông nông thôn, giao thông đường thủy
4	Xây dựng các công trình văn hóa, di tích lịch sử
5	Quy hoạch và bảo vệ nguồn tài nguyên nước; cung cấp nước sạch cho các cụm dân cư nông thôn
6	Chương trình trọng điểm nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng của ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản, trong đó gồm:
a	Chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi
b	Chương trình phát triển thủy sản theo hướng hiệu quả bền vững
c	Chương trình bảo vệ và phát triển rừng
d	Chương trình phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và ngành nghề nông thôn
e	Chương trình phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nông nghiệp, nông thôn
C	**CÁC LĨNH VỰC KÊU GỌI CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ ĐẦU TƯ**
I	**Lĩnh vực hạ tầng các khu công nghiệp**
1	Dự án hoàn chỉnh các công trình hạ tầng các khu công nghiệp đã có
2	Xây dựng hạ tầng trong hàng rào và ngoài hàng rào các khu công nghiệp dự kiến thành lập mới

STT	Tên chương trình/dự án
II	**Lĩnh vực công nghiệp**
1	Xây dựng mới và nâng cấp cơ sở hạ tầng truyền tải điện
2	Dự án điện nông thôn REII (giai đoạn II)
3	Sản xuất và lắp ráp các sản phẩm cơ điện, điện tử
4	Sản xuất và lắp ráp các sản phẩm, thiết bị tin học, sản xuất phần mềm, các loại linh kiện điện tử, viễn thông,….
5	Sản xuất, chế tạo các loại máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm
6	Sản xuất sản phẩm mộc dân dụng sử dụng nguyên, vật liệu tại chỗ
7	Sản xuất các loại vật liệu xây dựng có nguồn nguyên liệu tại chỗ, các loại vật liệu lợp, vật liệu chịu lửa, bê tông và cấu kiện bê tông đúc sẵn
8	Sản xuất gạch, ngói theo công nghệ lò tuy nen, gạch không nung và các công nghệ tiên tiến khác
III	**Lĩnh vực dịch vụ, du lịch**
1	Xây dựng hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại
2	Phát triển các khu du lịch
3	Xây dựng, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, vui chơi, giải trí
4	Phát triển hạ tầng mạng thông tin, truyền thông
IV	**Cấp thoát nước**
1	Nâng cấp, mở rộng các nhà máy cấp nước hiện có
2	Xây dựng các nhà máy cấp nước đáp ứng nhu cầu của Tỉnh
3	Xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải cho các đô thị